TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 28 – 7- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Phạm Đình Bông.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng, chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS, ngày 24/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-DS, 10/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị L. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng: Anh Đinh Mạnh D. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 31/3/2020), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Trần Thị L trình bày:

Ngày 01/6/2019, vợ chồng anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H có đến nhà ông T, bà L hỏi vay tiền. Sau khi trao đổi ông T, bà L thống nhất cho vợ chồng anh H vay số tiền 150.000.000 đồng. Ông T, bà L yêu cầu vợ chồng anh H viết giấy tờ, theo đó chị H đã viết giấy vay tiền bằng bút mực màu xanh đề ngày 01/6/2019,

thể hiện nội dung anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày vay, thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng, thể hiện chữ ký, chữ viết của anh H và chị H.

Hết thời hạn đã cam kết vợ chồng anh H không thanh toán nợ cho ông T, bà L, nhiều lần liên lạc không được, ông T, bà L đến tận nhà thì được biết vợ chồng anh H đã bán nhà đi khỏi địa phương, liên hệ với gia đình nội ngoại của vợ chồng anh H thì biết được vợ chồng anh H bỏ đi đâu không ai biết. Ông T, bà L đã đề nghị Tòa án đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

Trong giấy vay tiền ngày 01/6/2019, thể hiện lãi suất là ngân hàng, trong đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020, nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 31/3/2020, ông T, bà L cũng yêu cầu thanh toán tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa, ông T, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh H, chị H, ông bà yêu cầu anh H, chị H thanh toán một lần số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 01/6/2019 đến ngày 28/7/2020 là 13 tháng 27 ngày, cụ thể: 150.000.000 đồng x 1%/tháng x 13 tháng 27 ngày = 20.850.000 đồng. Tổng số tiền mà vợ chồng anh H có nghĩa vụ thanh toán cho ông bà là 150.000.000 đồng + 20.850.000 đồng = 170.850.000 đồng.

Kể từ ngày 29/7/2020 cho đến khi thi hành xong, Anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Đức H và chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại địa phương, Tòa án ban hành Quyết định số 03/2020/QĐ -TA, ngày 18/5/2020 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và Công văn số 219/CV – TA, ngày 18/5/2020 thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án thông báo cho anh H và chị H được biết.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là anh Đinh Mạnh D trình bày:

Ngày 01/6/2019, anh D đến nhà ông T, bà L để chơi với con trai ông, khi ngồi chơi anh được bà L nhờ đứng ra làm chứng việc vợ chồng anh H vay tiền của ông bà. Anh chứng kiến việc bà L giao số tiền 150.000.000 đồng cho chị H và chị H là người đếm lại số tiền trên, ngoài ra anh còn chứng kiến và được đọc lại giấy vay tiền do chị H viết với nội dung anh H, chị H vay và nhận số tiền 150.000.000 đồng, anh ký tên trong giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Những nội dung thỏa thuận về thời hạn thanh toán, lãi suất thì anh không để ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho

ông Nguyễn T và bà Trần Thị L tổng số tiền 170.850.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 20.850.000 đồng.

Kể từ ngày 29/7/2020 cho đến khi thi hành xong, Anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng.

Về chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc ông Nguyễn T và bà Trần Thị L phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn T và bà Trần Thị L khởi kiện anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo giấy vay tiền đề ngày 01/6/2019. Vì vậy đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại Biên bản xác minh của Công an xã thị trấn M thể hiện, anh H và chị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H thị trấn M theo hồ sơ HK số 173, số HK 170056759, đăng ký ngày 10/7/2019 do anh H làm chủ hộ, thành viên gồm chị H và 02 con. Tuy nhiên anh H và chị H không sinh sống và làm việc tại địa phương, cũng không có nhà ở, anh chị không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho nguyên đơn, vì vậy chính quyền địa phương cũng như nguyên đơn không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của anh H, chị H.

Ngày 18/5/2020, Tòa án đã ban hành Quyết định số 03/2020/QĐ-TA về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và Công văn số 219/CV – TA, ngày 18/5/2020 thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nội dung ông T, bà L khởi kiện đối với anh H, chị H. Trong Quyết định và Công văn thể hiện thời hạn giải quyết vụ án, tuy nhiên anh H, chị H vắng mặt tại phiên tòa.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc*

có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015."

Điều 6:

"2. *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"*

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được anh H, chị H là người có nghĩa vụ đối với ông T, bà L, nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, anh chị không có mặt tại địa phương, không có nhà ở, không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương, cũng không thông báo địa chỉ mới cho ông T, bà L được biết, vì vậy anh H, chị H cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H, chị H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho người làm chứng là anh Đinh Mạnh D, tuy nhiên anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn là ông Nguyễn T, bà Trần Thị L với anh Vũ Khắc H, chị Nguyễn Thị Thu H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Việc vay tiền được thể hiện là ông T, bà L cung cấp bản gốc giấy vay tiền viết bằng bút mực màu xanh đề ngày 01/6/2019, thể hiện nội dung anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày vay, thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng, trong giấy còn thể hiện chữ ký, chữ viết của anh H và chị H. Nội dung này cũng được xác định qua lời trình bày của anh Đinh Mạnh D, anh D nhìn thấy bà L giao số tiền 150.000.000 đồng cho chị H, chị H là người đếm lại tiền, viết giấy vay tiền, anh D được đọc lại nội dung giấy vay tiền đúng với nội dung anh đã chứng kiến nên ký tên trong giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng.

Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Trong giấy vay tiền đề ngày 01/6/2019 thể hiện thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày vay, tức ngày 01/7/2019, anh H, chị H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông T, bà L. Tuy nhiên anh H, chị H đã vi phạm thỏa thuận của hai bên, vì vậy ngày 18/02/2020, ông T, bà L khởi kiện đối với anh H, chị H phải thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu này có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi.

Giấy vay tiền đề ngày 01/6/2019 thể hiện mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là theo lãi suất của Ngân hàng.

Tại phiên hòa giải ngày 24/6/2020 và tại phiên tòa, ông T, bà L yêu cầu mức lãi suất là 1%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 01/6/2019.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định

"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định

"*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực."

Điều 13 NQ số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 quy định:

"1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm

cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015."

Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất 1%/tháng mà ông T, bà L yêu cầu phù hợp với nội dung thỏa thuận trong giấy vay tiền đề ngày 01/6/2019. Mặt khác, khi vay tiền và thỏa thuận nội dung vay các bên đương sự chỉ thỏa thuận mức lãi suất trong hạn chứ không thỏa thuận mức lãi suất nợ gốc quá hạn. Ngày 01/7/2019, anh H, chị H có nghĩa vụ thanh toán nợ, nhưng anh chị không thực hiện được, vì vậy việc ông T, bà L chỉ yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 01/6/2019 đến ngày xét xử là có cơ sở để chấp nhận. Số tiền lãi mà anh H, chị H có nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 01/6/2019 đến ngày 28/7/2020 là: 150.000.000 đồng x 1%/tháng x 13 tháng 27 ngày = 20.850.000 đồng.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô có cơ sở, vì vậy cần buộc anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho ông Nguyễn T, bà Trần Thị L tổng số tiền 170.850.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 20.850.000 đồng.

Kể từ ngày 29/7/2020 cho đến khi thi hành xong, Anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng.

[3]. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị L phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.525.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà ông Nguyễn T và bà Trần Thị L đã nộp tại phiếu thu của Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên ngày 20/5/2020 và Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần thông tin truyền thông Công lý số 0000646, ngày 29/5/2020 và phiếu thu ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[4]. Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T và bà Trần Thị L được chấp nhận vì vậy Bị đơn phải nộp số tiền 8.542.500 đồng (170.850.000 đồng x 5% = 8.542.500 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả ông Nguyễn T và bà Trần Thị L số tiền 4.283.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0002936, ngày 31/3/2020.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T và bà Trần Thị L đối với anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Buộc anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho ông Nguyễn T, bà Trần Thị L tổng số tiền 170.850.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 20.850.000 đồng.

Kể từ ngày 29/7/2020 cho đến khi thi hành xong, Anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng.

3. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị L phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.525.000 đồng, được khấu trừ số tiền mà ông Nguyễn T và bà Trần Thị L đã nộp tại phiếu thu của Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên ngày 20/5/2020 và Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần thông tin truyền thông Công lý số 0000646, ngày 29/5/2020 và phiếu thu ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

4. Về án phí: Buộc anh Vũ Khắc H và chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu số tiền 8.542.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn T và bà Trần Thị L số tiền 4.283.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0002936, ngày 31/3/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Tím

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**